



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2- CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội

Tel: (+84).24. 3765 3338 Fax: (+84).24.3 765 3336.

Mã số thuế: 0102314051

Email: info@sabecohanoi.com.vn.

Website: www.sabecohanoi.com.vn.

Số. 32/BSGHN

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC/ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi :

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI**
- Mã chứng khoán: BSH
- Địa chỉ trụ sở chính: A2-CN8, Cụm công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024.37653338 Fax: 024.37653336
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vương Thừa Đại
- Chức vụ: Thư ký Công ty.
- Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung công bố thông tin:

- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội Công bố Báo cáo tài chính riêng năm 2020

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Vương Thừa Đại



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận	0102314051	ngày 6 tháng 7 năm 2007
Đăng ký Doanh nghiệp số	0102314051	ngày 25 tháng 9 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 25 tháng 9 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lâm Du An Ông Trương Hùng Dũng Ông Đinh Văn Thuận Ông Văn Thảo Nguyên Ông Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	--	--

Ban Kiểm soát	Ông Đặng Thái Bình Bà Nguyễn Thị Nga Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Trưởng Ban Thành viên Thành viên
----------------------	--	--

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hữu Lộc Ông Nguyễn Văn Biên Ông Lê Viết Quý Ông Lê Thanh Tùng Bà Bùi Thị Thanh Ngọc	Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc Kế toán trưởng
---------------------	--	--

Trụ sở đăng ký	Lô A2 CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm Phường Phương Canh Quận Nam Từ Liêm Thành phố Hà Nội Việt Nam
-----------------------	--

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Hữu Lộc
Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00333-21-2



Hà Vũ Đình
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2021

01-01-2021
NH
TNHH
G
CHI MINH

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		300.994.570.436	206.173.764.993
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	216.909.989.474	63.950.355.090
Tiền	111		3.109.989.474	1.950.355.090
Các khoản tương đương tiền	112		213.800.000.000	62.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	38.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	38.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.773.677.273	40.608.693.359
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	20.632.774.536	38.583.956.600
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.905.245.000	839.667.627
Phải thu ngắn hạn khác	136		235.657.737	1.185.069.132
Hàng tồn kho	140	8	59.125.657.600	62.404.675.764
Hàng tồn kho	141		70.728.341.744	69.792.710.232
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.602.684.144)	(7.388.034.468)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.185.246.089	710.040.780
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		862.488.342	410.245.240
Thuế phải thu Nhà nước	153		322.757.747	299.795.540
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		126.312.169.953	189.195.794.131
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000	10.000.000
Tài sản cố định	220		114.848.970.054	178.014.633.181
Tài sản cố định hữu hình	221	9	114.006.838.959	178.014.633.181
Nguyên giá	222		696.016.501.043	689.621.352.499
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(582.009.662.084)	(511.606.719.318)
Tài sản cố định vô hình	227	10	842.131.095	-
Nguyên giá	228		1.411.941.589	350.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(569.810.494)	(350.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	3.455.630.456
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	-	3.455.630.456
Tài sản dài hạn khác	260		11.453.199.899	7.715.530.494
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	9.092.059.820	6.150.068.461
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.361.140.079	1.565.462.033
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		427.306.740.389	395.369.559.124

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		155.999.427.635	125.122.930.801
Nợ ngắn hạn	310		155.796.411.385	124.683.655.106
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	9.072.844.764	12.302.647.030
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.010.317.797	1.405.238.394
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	71.490.422.269	77.163.977.639
Phải trả người lao động	314		4.583.539.586	5.962.875.384
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.421.187.772	1.247.001.873
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	7.211.872.555	8.761.809.934
Vay ngắn hạn	320	16	55.805.010.701	10.300.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	5.201.215.941	7.540.104.852
Nợ dài hạn	330		203.016.250	439.275.695
Dự phòng phải trả dài hạn	342		203.016.250	439.275.695
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		271.307.312.754	270.246.628.323
Vốn chủ sở hữu	410	18	271.307.312.754	270.246.628.323
Vốn cổ phần	411	19	180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.157.486.522	6.157.486.522
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	33.968.770.588	33.968.770.588
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.181.055.644	50.120.371.213
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		33.317.916.690	10.581.550.227
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		17.863.138.954	39.538.820.986
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		427.306.740.389	395.369.559.124

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:


 Bùi Thị Thanh Ngọc
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Hữu Lộc
 Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	23	551.172.717.878	778.438.545.956
Giá vốn hàng bán	11	24	503.742.730.843	668.112.428.407
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		47.429.987.035	110.326.117.549
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	5.794.707.779	5.538.500.236
Chi phí tài chính	22		777.342.670	2.900.366.351
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		726.012.816	2.845.202.741
Chi phí bán hàng	25	26	5.517.291.367	8.009.291.858
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	17.804.988.875	23.448.516.092
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		29.125.071.902	81.506.443.484
Thu nhập khác	31		757.477.418	3.745.945.002
Chi phí khác	32		93.901.937	2.108.825.145
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		663.575.481	1.637.119.857
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29.788.647.383	83.143.563.341
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	7.364.836.254	18.625.044.732
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	29	(795.678.046)	(1.565.462.033)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		23.219.489.175	66.083.980.642
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.001	3.215

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:


Bùi Thị Thanh Ngọc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hữu Lộc
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	29.788.647.383	83.143.563.341
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	70.622.753.260	69.478.261.239
Các khoản dự phòng	03	3.978.390.231	7.388.034.468
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(5.768.642.526)	(5.492.399.753)
Chi phí lãi vay	06	726.012.816	2.845.202.741
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	99.347.161.164	157.362.662.036
Biến động các khoản phải thu	09	18.965.660.320	(2.417.899.831)
Biến động hàng tồn kho	10	(935.631.512)	12.443.189.843
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	5.925.732.073	(24.663.238.122)
Biến động chi phí trả trước	12	(3.394.234.461)	5.533.420.147
		119.908.687.584	148.258.134.073
Tiền lãi vay đã trả	14	(726.012.816)	(2.845.202.741)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.865.485.087)	(14.029.302.418)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	13.153.973
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.341.743.434)	(8.352.704.382)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	99.975.446.247	123.044.078.505
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(6.351.858.118)	(5.213.624.025)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(42.200.000.000)	(68.500.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	80.700.000.000	102.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	(6.668.964.446)	4.402.175.096
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	25.479.177.436	32.688.551.071

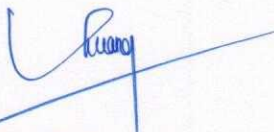
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	527.247.253.520	544.224.276.570
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(481.742.242.819)	(620.292.913.046)
Tiền chi trả cổ tức	36	(18.000.000.000)	(72.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	27.505.010.701	(148.068.636.476)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	152.959.634.384	7.663.993.100
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	63.950.355.090	56.286.361.990
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	216.909.989.474	63.950.355.090

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:


 Bùi Thị Thanh Ngọc
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Hữu Lộc
 Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 374/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là BSH.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; xuất, nhập khẩu bia, rượu, nước giải khát và các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia rượu, nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 172 nhân viên (1/1/2020: 182 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Khoản phải thu

Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Ảnh hưởng của Covid-19 và nghị định mới

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ, và do đó cũng ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất kinh doanh bia rượu. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh rượu và nước giải khát. Trong năm, không diễn ra hoạt động kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Công ty chia bộ phận địa lý theo vị trí của khách hàng bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỉ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	166.984.643	121.281.898
Tiền gửi ngân hàng	2.943.004.831	1.829.073.192
Các khoản tương đương tiền	213.800.000.000	62.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	216.909.989.474	63.950.355.090

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 3,0% đến 3,7% một năm (1/1/2020: 5% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	20.632.774.536	38.383.956.600
Các khách hàng khác	-	200.000.000
	<hr/>	<hr/>
	20.632.774.536	38.583.956.600
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	20.632.774.536	38.383.956.600
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	25.692.658.811	-	24.504.517.849	-
Công cụ và dụng cụ	16.068.412.003	(11.602.684.144)	17.224.055.003	(7.388.034.468)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.417.405.186	-	19.096.422.989	-
Thành phẩm	9.366.339.641	-	8.961.285.295	-
Hàng hóa	6.429.096	-	6.429.096	-
Hàng gửi đi bán	177.097.007	-	-	-
	70.728.341.744	(11.602.684.144)	69.792.710.232	(7.388.034.468)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	7.388.034.468	-
Dự phòng trích lập trong năm	4.214.649.676	7.388.034.468
Số dư cuối năm	11.602.684.144	7.388.034.468



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	350.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.061.941.589
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.411.941.589
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	350.000.000
Khấu hao trong năm	219.810.494
	<hr/>
Số dư cuối năm	569.810.494
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	842.131.095
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản cố nguyên giá 350 triệu VND (1/1/2020: 350 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	3.455.630.456	18.697.143.987
Tăng trong năm	2.773.900.477	5.708.534.480
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.167.589.344)	(20.950.048.011)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.061.941.589)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	-	3.455.630.456
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	936.485.551	5.213.582.910	6.150.068.461
Tăng trong năm	8.500.800.000	-	8.500.800.000
Phân bổ trong năm	(1.777.413.440)	(3.781.395.201)	(5.558.808.641)
Số dư cuối năm	7.659.872.111	1.432.187.709	9.092.059.820

13. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Lượng Xanh	1.786.421.190	1.460.286.409
Công ty cổ phần Hanacans	1.168.376.079	-
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh	969.612.000	-
Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải Thái Tân	789.512.405	1.221.119.900
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	479.627.918	5.453.717.282
Các nhà cung cấp khác	3.879.295.172	4.167.523.439
	9.072.844.764	12.302.647.030

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	479.627.918	5.453.717.282
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	68.200.000	68.200.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số còn trừ trong năm VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	31/12/2020 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	64.137.798.396	588.194.655.494	(588.577.686.280)	-	-	63.754.767.610
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.469.664.343	7.364.836.254	(12.865.485.087)	-	30.984.490	-
Thuế giá trị gia tăng	7.556.514.900	112.101.349.143	(71.352.882.739)	(40.569.326.645)	-	7.735.654.659
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.149.042.430	(1.149.042.430)	-	-	-
	77.163.977.639	708.809.883.321	(673.945.096.536)	(40.569.326.645)	30.984.490	71.490.422.269

5. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	6.653.764.725	8.209.500.000
Phải trả ngắn hạn khác	558.107.830	552.309.934
	7.211.872.555	8.761.809.934



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Vay ngắn hạn**

	1/1/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	10.300.000.000	527.247.253.520	(481.742.242.819)	55.805.010.701

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (a)	VND	2,4% - 4,5%	55.805.010.701	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (b)	VND	5,7%	-	10.300.000.000
			55.805.010.701	10.300.000.000

- (a) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 90.000 triệu VND và không có đảm bảo.
 (b) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 150.000 triệu VND và không có đảm bảo.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	7.540.104.852	7.664.915.508
Trích lập trong năm (Thuyết minh 18)	5.200.400.000	8.214.739.753
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	(1.197.545.477)	-
Sử dụng trong năm	(6.341.743.434)	(8.352.704.382)
Tăng khác	-	13.153.973
Số dư cuối năm	5.201.215.941	7.540.104.852

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	64.129.147.396	284.255.404.506
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	66.083.980.642	66.083.980.642
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(72.000.000.000)	(72.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(8.214.739.753)	(8.214.739.753)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(330.419.903)	(330.419.903)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	452.402.831	452.402.831
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	50.120.371.213	270.246.628.323
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	23.219.489.175	23.219.489.175
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(5.200.400.000)	(5.200.400.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	1.197.545.477	1.197.545.477
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	(155.950.221)	(155.950.221)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	51.181.055.644	271.307.312.754

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức như đã được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

20. Cổ tức

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 19 tháng 6 năm 2020 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho cổ đông là 36.000 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019, trong đó 18.000 triệu VND đã được ứng trước cho các cổ đông năm 2019 (2019: phân phối cổ tức cho các cổ đông là 72.000 triệu VND (tương đương 4.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018, trong đó 18.000 triệu VND đã được ứng trước cho các cổ đông năm 2018).

21. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.294.173.780	5.159.317.816
Từ hai đến năm năm	16.060.503.120	16.578.391.248
Sau năm năm	124.803.492.995	132.972.513.135
	145.158.169.895	154.710.222.199

(b) Ngoại tệ

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	11	242.571	25	523.748
EUR	111	2.965.950	121	3.259.952
		3.208.521		3.783.700

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	4.344.000.000	-
	4.344.000.000	



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	547.012.381.872	772.134.216.029
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>1.135.207.037.366</i>	<i>1.557.501.381.159</i>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>(588.194.655.494)</i>	<i>(785.367.165.130)</i>
▪ Doanh thu khác	4.160.336.006	6.304.329.927
	<hr/>	<hr/>
	551.172.717.878	778.438.545.956
	<hr/>	<hr/>

24. Giá vốn hàng bán

	2020 VND	2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	499.465.336.867	659.649.896.135
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.214.649.676	7.388.034.468
▪ Giá vốn khác	62.744.300	1.074.497.804
	<hr/>	<hr/>
	503.742.730.843	668.112.428.407
	<hr/>	<hr/>

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.768.642.526	5.492.399.753
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.065.253	46.100.483
	<hr/>	<hr/>
	5.794.707.779	5.538.500.236
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Chi phí bán hàng**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.840.138.204	3.305.803.108
Chi phí nhân viên	1.350.295.104	1.892.756.774
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.007.001.500	2.088.963.901
Chi phí bán hàng khác	319.856.559	721.768.075
	<hr/>	<hr/>
	5.517.291.367	8.009.291.858

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	9.559.081.248	11.302.362.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.689.258.427	5.594.771.383
Chi phí vật liệu văn phòng	1.002.861.275	2.825.940.647
Chi phí khấu hao và phân bổ	408.952.841	517.438.851
Chi phí quản lý khác	2.144.835.084	3.208.002.612
	<hr/>	<hr/>
	17.804.988.875	23.448.516.092

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	399.484.944.946	562.235.544.816
Chi phí khấu hao và phân bổ	70.622.753.260	69.478.261.239
Chi phí nhân công và nhân viên	31.881.112.749	39.545.814.319
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.424.778.821	16.030.774.030
Chi phí khác	8.651.421.309	12.279.841.953

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	6.963.392.710	18.595.742.314
Dự phòng thiếu trong những năm trước	401.443.544	29.302.418
	<hr/> 7.364.836.254	<hr/> 18.625.044.732
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(795.678.046)	(1.565.462.033)
	<hr/> 6.569.158.208	<hr/> 17.059.582.699

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	29.788.647.383	83.143.563.341
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.957.729.477	16.628.712.668
Chi phí không được khấu trừ thuế	162.733.297	103.745.034
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	47.251.890	297.822.579
Dự phòng thiếu trong những năm trước	401.443.544	29.302.418
	<hr/> 6.569.158.208	<hr/> 17.059.582.699

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	23.219.489.175	66.083.980.642
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(5.200.400.000)	(8.214.739.753)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>18.019.089.175</u>	<u>57.869.240.889</u>

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lại cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 18.000.000 cổ phiếu.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.057.564.244.829	1.453.801.961.420
Mua nguyên vật liệu	305.036.357.997	420.782.780.984
Cổ tức	9.380.000.000	37.520.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	9.712.255.000	1.356.921.720
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua hàng hóa	465.000.000	619.690.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	72.800.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Mua hàng hóa	479.272.950	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	692.951.280	689.839.371
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	53.318.389	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Mua hàng hóa	1.736.160	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao	4.117.245.419	3.272.467.625

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2020	2019
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	-	196.792.000

33. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Bùi Thị Thanh Ngọc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hữu Lộc
Giám đốc